TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đạt Thông;

Ông Dương Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 4 năm 2025, về việc "*Ly hôn";* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Di, tỉnh T (Vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025, bản tự khai, trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T có tìm hiểu nhau được thời gian khoảng vài tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 19/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hải, có tổ chức lễ cưới vào ngày 02/12/2024 (âm lịch). Tuy nhiên, sau khi cưới về được một ngày thì chị T tự động bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị T sinh sống cho đến nay. Sau đó, anh Đ có liên lạc gọi điện thoại nhiều lần nhưng chị T không bắt máy nên từ đó đến nay cả hai không còn liên lạc với nhau. Nay anh Đ nhận thấy giữa anh và chị T không thể làm

vợ chồng nên anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Anh Đ trình bày không có con chung.

Về tài sản chung: Anh Đ trình bày không có.

Về nợ chung: Anh Đ trình bày không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án thông báo về các yêu cầu của nguyên đơn, nhưng trong quá trình giải quyết, chị T vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nào thể hiện ý kiến của chị đối với việc giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Không có nên không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn Đ nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ có nội dung yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T, nơi cư trú tại Ấp C, xã L, huyện Di, tỉnh T, về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên đây là quan hệ tranh chấp về "*Ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Riêng bị đơn chị Nguyễn Thị Thu T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể chị T vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ đối với chị Nguyễn Thị Thu T. Nhận thấy anh Đ và chị T tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Tuy nhiên, ngay sau ngày cưới thì chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay cả hai không ai liên lạc với ai. Tại biên bản xác minh ngày 19/5/2025 em ruột chị T là chị Nguyễn Thị Yến cho biết chị T hiện đang sống cùng với cha mẹ tại Ấp C, xã L, huyện Di, tỉnh T và chị T thống nhất ly hôn với anh Đ, nhưng do công việc, công ty không cho nghỉ nên chị T không đến tham dự khi được Tòa án triệu tập. Mặc dù, anh Đ và chị T là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh chị không chung sống với nhau ngay sau ngày cưới, từ đó cho thấy giữa anh Đ và chị T không có tình cảm vợ chồng. Trong khoản thời gian từ khi chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay cũng được 06 tháng nhưng cả hai anh chị không ai có thiện chí đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân của anh Đ và chị T không thể hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có.

[3.3]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Văn Đ trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014692, ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Như vậy, anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Đông Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Linh